TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 68/2017/HSST
Ngày 20 tháng 6 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2017/HSST ngày 15/5/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2017/HSST-QĐ ngày 05/6/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **LÊ MINH T,** sinh năm 02/12/1996;

- Tên gọi khác: Không;
- Nơi ĐKHKTT và Chỗ ở hiện nay: Số A, Làn X, khu T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do;
- Con ông: Lê Minh K (đã chết);
- Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1978;
- Gia đình có hai anh em, bản thân là thứ nhất;
- Vợ; Con: Chưa có;
- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Năm 2013 bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây thương tích;

Bị cáo đầu thú tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2017, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Họ và tên: **NGUYỄN DUY L,** sinh ngày 06/11/1998;

- Tên gọi khác: Không;

- Nơi ĐKHKTT và Chỗ ở hiện nay: số nhà X, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 10/12;

- Con ông: Nguyễn Thanh S, sinh năm 1969;

- Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1970;

- Vợ; Con: Chưa có;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt khẩn cấp tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2017 đến ngày 27/4/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cho bảo lĩnh". Hiện tại ngoại.

(Có mặt)

*** Người bị hại:**

1. Chị Tăng Thị L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số C, ngõ D, đường L, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1981, địa chỉ: thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 01/3/2017, LÊ MINH T, sinh năm 1996 trú tại Số A, Làn X, khu T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và NGUYỄN DUY L, sinh ngày 06/11/1998 trú tại số nhà X, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc

Giang cùng nhau uống nước tại quán nước ở khu Trung tâm Thương mại TM. Trong khi uống nước, T rủ L đi trộm xe mô tô làm phương tiện đi lại cho cả hai, L đồng ý. Sau đó, T và L đến nhà anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1976 trú tại Số C, ngõ D, đường L, phường P, thành phố B để mượn xe mô tô làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, T vào gặp anh Y mượn chiếc xe mô tô kiểu Dream do Trung Quốc sản xuất, biển kiểm soát số 98D1- 092.91 đem ra giao cho L điều khiển chở T ngồi sau đi xuống khu vực thị trấn N, huyện V tìm xe mô tô để trộm cắp nhưng không được. Khoảng 16 giờ cùng ngày, cả hai quay về đến đoạn đường 398 thuộc khu vực thôn 3, xã T, thành phố B thì T phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98Y5- 6257, màu sơn Vàng- Đen của chị Tăng Thị L, sinh năm 1990, trú tại Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang dựng trên vỉa hè trước cửa một ngôi nhà cạnh đường 398. Quan sát thấy không có người trông coi, T bảo L điều khiển xe mô tô quay lại để thực hiện hành vi trộm cắp. L đi đến vị trí cách chiếc xe mô tô dựng khoảng 04m thì dừng xe đứng cảnh giới, còn T đi đến dùng vam phá khóa bằng kim loại hình chữ T do T đem theo trước đó phá khóa điện, nổ máy trộm cắp chiếc xe mô tô này rồi cùng L mỗi người đi một xe đi về nhà mình. Sau khi về nhà, T trả xe mô tô cho anh Y rồi tháo biển kiểm soát xe mô tô trộm cắp được vứt vào thùng rác công cộng và hỏi L có lấy xe để sử dụng không nhưng L không lấy nên T cất dấu chiếc xe này tại nhà mình.

Ngày 01/3/2017, chị Tăng Thị L làm đơn trình báo bị kẻ gian trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98Y5- 6257, màu sơn vàng đen trị giá khoảng 12.500.000 đồng.

Ngày 02/3/2017, T đến Công an thành phố B đầu thú và giao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, không biển kiểm soát, màu sơn Vàng- Đen, số khung 332191, số máy 332189 và 01 chiếc vam phá khóa bằng kim loại, hình chữ T. Cùng ngày 02/3/2017, Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp đối với NGUYỄN DUY L về hành vi "Trộm cắp tài sản" và tạm giữ chiếc xe mô tô kiểm Dream do Trung Quốc sản xuất, biển kiểm soát 98D1- 092.81 do anh Nguyễn Văn Y giao nộp.

Ngày 04/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố B kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y5- 6257, số khung 332191, số máy 332189, trị giá 8.000.000 đồng.

Ngày 03/4/2017, Cơ quan điều tra trả lại chị Tăng Thị L chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, không biển kiểm soát, màu sơn vàng đen, số khung 332191, số máy 332189. Nay chị L không yêu cầu T và L bồi thường gì khác.

Đối với anh Nguyễn Văn Y là người cho T và L mượn xe nhưng không biết các bị cáo sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội nên không có hành vi vi phạm. Tuy nhiên, chiếc xe biển kiểm soát 98D1- 092.81 của anh Y sử dụng biển số giả. Anh Y không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ chiếc xe này để điều tra xử lý theo quy định.

Bản Cáo trạng số 72/KSĐT ngày 10/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo LÊ MINH T và NGUYỄN DUY L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Khoảng 16 giờ ngày 01/3/2017, tại thôn 3, xã Tân Mỹ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang LÊ MINH T và NGUYỄN DUY L có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98Y5- 6257, màu sơn Vàng-Đen, trị giá 8.000.000 đồng của chị Tăng Thị L, sinh năm 1990, trú tại Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Ngày 03/4/2017, Cơ quan điều tra trả lại chị Tăng Thị L chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, không biển kiểm soát, màu sơn vàng đen, số khung 332191, số máy 332189. Nay chị L không yêu cầu T và L bồi thường gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo LÊ MINH T từ 10 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NGUYỄN DUY L từ 06 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 16 tháng. Giao bị cáo L cho UBND phường H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 chiếc vam phá khóa bằng kim loại.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Tăng Thị L đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, không biển kiểm soát, màu sơn vàng đen, số khung 332191, số máy 332189. Nay chị L không yêu cầu T và L bồi thường gì khác.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trạnh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan Y hành tố tụng, người Y hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiên hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và kết quả định giá của Phòng PC52 Công an tỉnh Bắc Giang thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 01/3/2017, tại thôn 3, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, LÊ MINH T và NGUYỄN DUY L có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98Y5- 6257, màu sơn Vàng- Đen, trị giá 8.000.000 đồng của chị Tăng Thị L, sinh năm 1990, trú tại Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do đó, các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 72/KSĐT ngày 10/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét về tính chất của vụ án thì thấy: hành vi phạm tội của bị cáo L, T là nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng sơ sở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân, gây mất trật tự tại địa phương. Hành vi nêu trên của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định trật tự an ninh tại địa phương, bị dư luận và quần chúng nhân dân lên án. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy: cả hai bị cáo đều lần đầu tiên phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo T ra đầu thú nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

Xét nhân thân của từng bị cáo thì thấy:

Năm 2013 bị cáo T bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây thương tích. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người khởi sướng, rủ bị cáo L cùng thực hiện hành vi phạm tội, là người chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp dùng vam để mở khóa, nên giữ vai trò cao hơn bị cáo L. Do vậy cần xử cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo L nhất thời phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án tiền sự, là người bị bị cáo T rủ rê lôi kéo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự xử bị cáo được hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng", do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Tăng Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai: Chị đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, không biển kiểm soát, màu sơn vàng đen, số khung 332191, số máy 332189. Nay chị L không yêu cầu T và L bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Cơ quan Công an đã thu giữ 01 chiếc vam phá khóa bằng kim loại, thân van hình chữ T có dán băng dính mầu đen, phần thanh ngang dài 13,5 cm, đường kính 0,1 cm, phần thanh dọc dài 8,3 cm, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo LÊ MINH T và NGUYỄN DUY L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo LÊ MINH T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 60 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo NGUYỄN DUY L 07 (bẩy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Giao bị cáo L cho UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 chiếc vam phá khóa bằng kim loại, thân van hình chữ T có dán băng dính mầu đen, phần thanh ngang dài 13,5 cm, đường kính 0,1 cm, phần thanh dọc dài 8,3 cm theo Biên bản thu giữ vật chứng ngày 02/3/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo LÊ MINH T và NGUYỄN DUY L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP B.
- Công an TP B.
- Chi cục THADS TP.B.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường